

Nghệ An, ngày 20 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả rà soát quy đát lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng tỉnh Nghệ An

ĐẶT VĂN ĐỀ

Thực hiện Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng, tỉnh Nghệ An đã tổ chức rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng trên phạm vi toàn tỉnh và đã phê duyệt tại Quyết định số 482/QĐ-UBND.NN ngày 02/02/2007. Để phục vụ công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, năm 2014 UBND tỉnh đã có Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 về việc điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Nghệ An.

Việc thực hiện các dự án để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã phải thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác để xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, đường giao thông, khu tái định cư, khai thác khoáng sản, sản xuất nông nghiệp, thô cù, chuyển đổi mục đích từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất để đáp ứng nhu cầu cần thiết của người dân miền núi và ổn định sản xuất các khu tái định cư...đã làm cho diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp thay đổi nhiều.

Kết quả kiểm kê rừng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Nghệ An cho thấy hiện trạng rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp của tỉnh so với các số liệu trước đây có nhiều thay đổi, bất cập: Diện tích có rừng tăng cả trong và ngoài đất quy hoạch cho sản xuất lâm nghiệp, nhu cầu đất sản xuất và đất phục vụ phát triển kinh tế và thực hiện các dự án, đề án về phát triển kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi.

Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật Lâm nghiệp và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Để có cơ sở dữ liệu theo dõi công tác quản lý sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy hoạch, dự án; khai thác hợp lý quỹ đất, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, nhu cầu đất sản xuất của đồng bào miền núi, theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020 và các năm tiếp theo. Việc rà soát quỹ đất lâm nghiệp, gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết.

B

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT (Đoàn Điều tra Quy hoạch Lâm nghiệp Nghệ An) thực hiện nhiệm vụ rà soát quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh. Kết quả rà soát đã được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2019. Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo HĐND tỉnh kết quả cụ thể sau:

Phần thứ nhất: Những căn cứ pháp lý và tài liệu sử dụng.

Phần thứ hai: Trình tự, nguyên tắc, tiêu chí rà soát.

Phần thứ ba: Kết quả rà soát quỹ đất lâm nghiệp, gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ tư: Kết luận và kiến nghị.

Phần thứ nhất **NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

I . Căn cứ pháp lý

Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Quyết định số 845/QĐ-BNN-TCLN ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Bộ tiêu chí rà soát diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu chuyển sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất;

Hướng dẫn số 10121/BNN-TCLN ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn kỹ thuật rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng;

Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Nghệ An;

Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Nghệ An;

Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Nghệ An;

Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí rà soát, điều chỉnh ranh giới

B/

3 loại rừng tỉnh Nghệ An và các văn bản hiện hành có liên quan của Trung ương;

Công văn số 3437/BNN-TCLN ngày 17/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng tỉnh Nghệ An;

Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. Tài liệu sử dụng

Kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 48/2014/UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An.

Kết quả kiểm kê rừng theo Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Nghệ An.

Các quy hoạch, dự án.. đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Các Quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ quy hoạch sản xuất lâm nghiệp sang mục đích khác và ngược lại.

Phần thứ hai

TRÌNH TỰ, NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ RÀ SOÁT QUÝ ĐẤT LÂM NGHIỆP GẮN VỚI ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH, RANH GIỚI 3 LOẠI RỪNG

Trình tự, nguyên tắc, tiêu chí rà soát rà soát quý đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng được tiến hành với các bước cụ thể như sau:

I. Rà soát quý đất quy hoạch lâm nghiệp trên cơ sở kết quả kiểm kê rừng tỉnh Nghệ An năm 2015 được phê duyệt tại Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 UBND tỉnh

1. Nội dung

Điều tra, xác định ranh giới diện tích, vị trí đất lâm nghiệp do kiểm kê tăng (hoặc giảm) so với ranh giới diện tích, vị trí quy hoạch 3 loại rừng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014, từ đó đề xuất điều chỉnh quý đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng.

2. Mục đích, yêu cầu

- Thông nhất quý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh sau khi rà soát theo kết quả kiểm kê rừng tỉnh Nghệ An năm 2015 được UBND tỉnh phê duyệt tại số 1731/QĐ-UBND ngày 21/4/2015;

B

- Điều tra đầy đủ, chính xác hiện trạng, diện tích rừng theo kết quả kiểm kê ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo trạng thái, loài cây, chủ quản lý và hình thức sử dụng, đề xuất đưa vào quỹ đất lâm nghiệp.

- Rà soát đầy đủ và chính xác số liệu trong quy hoạch lâm nghiệp đã được phê duyệt theo kết quả kiểm kê rừng theo từng loại rừng (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất) theo từng loại trạng thái. Từ đó xác định các diện tích đất có mục đích sử dụng khác ngoài lâm nghiệp đang nằm trong quy hoạch lâm nghiệp. Tổng hợp diện tích, trạng thái rừng và đất rừng theo 3 loại rừng, địa giới hành chính và theo chủ rừng, đề xuất đưa ra khỏi quỹ đất lâm nghiệp.

3. Nguyên tắc, tiêu chí điều chỉnh quỹ đất lâm nghiệp

a) Nguyên tắc đưa đất khác vào quy hoạch quỹ đất lâm nghiệp theo các tiêu chí sau

- Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mục đích lâm nghiệp theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP.

- Núi đá có rừng tự nhiên đang quy hoạch ngoài đất lâm nghiệp (không bao gồm những diện tích đã quy hoạch cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng hoặc đã chuyển đổi mục đích sử dụng khác).

- Đất có rừng trồng nằm liền kề với đất quy hoạch lâm nghiệp.

- Đất trước đây sản xuất nương rẫy nay phục hồi thành rừng tự nhiên.

- Những diện tích bất cập khác phát sinh trong quá trình tổ chức rà soát ở thực địa.

b) Nguyên tắc đưa ra khỏi quỹ đất lâm nghiệp theo các tiêu chí sau

- Điều chỉnh ra khỏi quy hoạch đất lâm nghiệp đối với những diện tích đất trong quy hoạch lâm nghiệp thực tế đang sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp như: canh tác sản xuất lúa, rau màu, đường giao thông, nghĩa trang, thồ cù...

- Cập nhật điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch đất lâm nghiệp đối với diện tích đã có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền.

- Những diện tích bất cập khác phát sinh trong quá trình tổ chức rà soát ở thực địa, theo đề xuất của các địa phương.

II. Điều chỉnh quy hoạch rừng đặc dụng, quy hoạch rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất, gắn với điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng

1. Nội dung

B

Trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp được rà soát, tiến hành: rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng, trong đó tập trung rà soát và chuyển một phần diện tích đất rừng phòng hộ ít xung yếu, rừng đặc dụng sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất và ngược lại, để phục vụ tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, đảm bảo hiệu quả kinh tế và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp.

2. Mục đích, yêu cầu

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp đã thống nhất, gắn với sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp và quy hoạch sử dụng đất của tỉnh.

- Việc rà soát, điều chỉnh phải đảm bảo các tiêu chí phát triển lâm nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện đồng bộ với giao, cho thuê rừng đối với các chủ rừng, ưu tiên giải quyết đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

3. Nguyên tắc, tiêu chí điều chỉnh ranh giới quy hoạch 3 loại rừng

- Rà soát, điều chỉnh phải tuân thủ theo tiêu chí tại Quyết định số 845/QĐ-BNN-TCLN, các văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn của tỉnh Nghệ An.

- Rà soát chuyển một phần diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ ít xung yếu sang đất rừng sản xuất phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế gắn với tái cơ cấu ngành lâm nghiệp.

- Rà soát chuyển một phần diện tích đất rừng sản xuất ven biển, đất khác ngoài lâm nghiệp ven biển phù hợp với tiêu chí sang quy hoạch rừng phòng hộ theo quy định tại Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ để quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Rà soát chuyển một phần diện tích đất quy hoạch rừng sản xuất sang quy hoạch rừng phòng hộ ở một số địa danh di tích văn hóa lịch sử.

- Rà soát điều chỉnh một phần đất quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ (ngoài diện tích phòng hộ ít xung yếu) sang rừng sản xuất để phù hợp với thực tiễn sản xuất và hồ sơ đất đai của các chủ rừng.

- Rà soát diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo Nghị định 163/1999/NĐ cho các hộ gia đình nhưng nằm trong quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ sang quy hoạch rừng sản xuất.

- Rà soát diện tích đất lâm nghiệp đang tranh chấp giữa các tổ chức với các hộ gia đình đưa ra khỏi quy hoạch đặc dụng, phòng hộ và chuyển sang quy hoạch rừng sản xuất.

- Rà soát diện tích đất lâm nghiệp nằm trong các quy hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt đang thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ (bao gồm, khu tái định cư, nhà máy thủy điện, đường giao thông, an ninh - quốc phòng, mỏ...) sang quy hoạch rừng sản xuất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội (trừ diện tích đang có rừng tự nhiên).

- Đất lâm nghiệp nằm trong quy hoạch rừng sản xuất ở một số vị trí đặc biệt như DTVHLS, đầu hò đập... đưa vào quy hoạch đặc dụng, phòng hộ.

III. Hoàn thiện kết quả rà soát, điều chỉnh quy đát lâm nghiệp gắn với điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng

Trên cơ sở thông tin, số liệu thu thập, rà soát tại hiện trường, tiến hành phân tích tổng hợp thông tin và số liệu để xây dựng phương án điều chỉnh, đề xuất các giải pháp tổ chức sản xuất, kinh doanh rừng phù hợp.

Phần thứ ba KẾT QUẢ RÀ SOÁT QUY ĐẤT LÂM NGHIỆP GẮN VỚI ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH, RẠNH GIỚI 3 LOẠI RỪNG

I. Quy đát lâm nghiệp và diện tích quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An

Theo Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng. Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp toàn tỉnh là: 1.160.242,38 ha. cụ thể:

+ Diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch phòng hộ: 365.414,24 ha.

+ Diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch đặc dụng: 172.361,70 ha.

+ Diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch sản xuất: 622.466,44 ha.

Chi tiết diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp và 3 loại rừng trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã như sau:

TT	Huyện	Tổng cộng (ha)	Trong đó 3 loại rừng (ha)		
			Phòng hộ	Đặc dụng	Sản xuất
	Tổng cộng	1.160.242,38	365.414,24	172.361,70	622.466,44
1	Quế Phong	173.209,79	52.300,94	38.984,39	81.924,46
2	Quỳ Châu	94.912,70	21.629,70	11.696,00	61.587,00
3	Quỳ Hợp	63.943,00	11.306,60	1.851,20	50.785,20
4	Nghĩa Đàn	22.733,80	4.612,90		18.120,90
5	Thị xã Thái Hòa	3.500,10	770,50		2.729,60
6	Tân Kỳ	37.244,80	6.797,50		30.447,30
7	Kỳ Sơn	180.528,90	108.401,20		72.127,70
8	Tương Dương	249.076,90	93.546,80	39.530,80	115.999,30

9	Con Cuông	154.422,06	18.546,32	74.087,81	61.787,93
10	Anh Sơn	35.428,85	8.308,70	2.244,70	24.875,45
11	Thanh Chương	65.233,70	19.785,70		45.448,00
12	Thị xã Hoàng Mai	6.777,70	2.053,30		4.724,40
13	Quỳnh Lưu	14.246,70	3.309,50		10.937,20
14	Yên Thành	21.274,90	5.029,80	1.019,80	15.225,30
15	Diễn Châu	7.651,86	1.547,98		6.103,88
16	Đô Lương	10.918,82	1.348,20		9.570,62
17	Nam Đàn	7.395,90		2.947,00	4.448,90
18	Hưng Nguyên	1.991,20	605,60		1.385,60
19	Nghi Lộc	9.534,50	5.316,10		4.218,40
20	Thị xã Cửa Lò	109,00	89,70		19,3
21	Thành phố Vinh	107,20	107,20		

II. Quỹ đất quy hoạch lâm nghiệp và quy hoạch 3 loại rừng theo kết quả kiểm kê rừng nằm trong ranh giới quy hoạch theo Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An rà soát lại trên địa bàn các huyện

Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo kết quả kiểm kê rừng nằm trong ranh giới quy hoạch theo Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của tỉnh Nghệ An là: 1.166.138,17 ha. Trong đó quy hoạch:

- Rừng phòng hộ: 365.311,62 ha.
- Rừng đặc dụng: 172.582,74 ha.
- Rừng sản xuất: 628.243,81 ha.

Chi tiết cụ thể trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã như sau:

TT	Huyện	Tổng D tích quy hoạch lâm nghiệp	Loại rừng(ha)		
			Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	Rừng sản xuất
	<u>Tổng cộng</u>	<u>1.166.138,17</u>	<u>365.311,62</u>	<u>172.582,74</u>	<u>628.243,81</u>
1	Quế Phong	174.201,79	52.373,33	39.032,64	82.795,82
2	Quỳ Châu	94.742,93	21.426,12	11.617,98	61.698,83
3	Quỳ Hợp	64.239,11	11.171,42	1.907,43	51.160,26
4	Nghĩa Đàn	22.775,67	4.624,84		18.150,83
5	Thị xã Thái Hòa	5.623,28	732,51		4.890,77
6	Tân Kỳ	37.034,17	6.842,27		30.191,90
7	Kỳ Sơn	180.129,60	108.149,83		71.979,77
8	Tương Dương	252.978,09	93.830,63	39.536,91	119.610,55
9	Con Cuông	154.656,59	18.364,78	74.271,82	62.019,99
10	Anh Sơn	34.986,50	8.322,68	2.231,18	24.432,64

11	Thanh Chương	66.093,92	20.329,73		45.764,19
12	Th.xã Hoàng Mai	6.758,30	1.985,78		4.772,52
13	Quỳnh Lưu	14.094,12	3.278,01		10.816,11
14	Yên Thành	20.702,36	4.916,29	1.018,44	14.767,63
15	Diễn Châu	7.150,66	1.511,65		5.639,01
16	Đô Lương	10.835,84	1.338,68		9.497,16
17	Nam Đàn	7.318,20		2.966,34	4.351,86
18	Hưng Nguyên	2.032,63	608,48		1.424,15
19	Nghi Lộc	9.573,30	5.295,88		4.277,42
20	Thị xã Cửa Lò	106,56	106,56		
21	Thành phố Vinh	104,55	102,15		2,40

III. Kết quả rà soát quỹ đất quy hoạch lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng tỉnh Nghệ An

1. Kết quả rà soát quỹ đất quy hoạch lâm nghiệp

Kết quả phúc tra, rà soát quỹ đất lâm nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã được tổng hợp cụ thể như sau:

ĐVT: ha

TT	Huyện	D. tích kiểm kê rừng nằm trong QĐ số 48/QĐ-UBND	Đề nghị đưa ra khỏi lâm nghiệp	Đề nghị đưa vào L. nghiệp	Quỹ đất lâm nghiệp sau R.soát
	<u>Tổng cộng</u>	<u>1.166.138,17</u>	<u>54.871,24</u>	<u>36.483,09</u>	<u>1.147.752,81</u>
1	Quế Phong	174.201,79	3.784,99	998,15	171.414,95
2	Quỳ Châu	94.742,93	3.091,85	3.341,46	94.992,54
3	Quỳ Hợp	64.239,11	2.317,51	3.133,49	65.055,09
4	Nghĩa Đàn	22.775,67	2.606,01	2.076,31	22.245,97
5	Thị xã Thái Hòa	5.623,28	2.719,86	321,45	3.224,87
6	Tân Kỳ	37.034,17	1.640,25	340,53	35.734,45
7	Kỳ Sơn	180.129,60	17.928,30	3.188,31	165.389,61
8	Tương Dương	252.978,09	4.938,86	4.937,86	252.977,09
9	Con Cuông	154.659,38	1.976,08	7.033,73	159.717,03
10	Anh Sơn	34.986,50	3.530,83	4.297,02	35.752,69
11	Thanh Chương	66.093,92	4.367,79	3.315,80	65.041,93
12	Thị xã Hoàng Mai	6.758,30	751,25	577,29	6.584,34
13	Quỳnh Lưu	14.094,12	1.692,41	1.003,10	13.404,81
14	Yên Thành	20.702,36	1.346,12	909,66	20.265,90
15	Diễn Châu	7.150,66	744,65	425,81	6.831,82

16	Đô Lương	10.835,84	46,13	200,97	10.990,68
17	Nam Đàn	7.318,20	91,58	210,43	7.437,05
18	Hưng Nguyên	2.032,63	435,73	0,00	1.596,90
19	Nghi Lộc	9.573,30	809,99	118,44	8.881,75
20	Thị xã Cửa Lò	106,56	51,05	11,89	67,40
21	Thành phố Vinh	104,55	0,00	41,39	145,94

Từ kết quả thống kê ở bảng trên cho thấy:

- Kết quả phúc tra quỹ đất quy hoạch lâm nghiệp theo số liệu hiện có tăng so với số liệu tại Quyết định số 48/2014/UBND là: 5.895,79 ha (1.166.138,17 ha - 1.160.242,38 ha).

- Kết quả phúc tra quỹ đất quy hoạch lâm nghiệp so với kết quả kiểm kê rừng nằm trong ranh giới quy hoạch theo Quyết định số 48/2014/UBND giảm với tổng diện tích là: 18.385,36 ha (1.147.752,81 ha - 1.166.138,17 ha).

+ Tổng diện tích đất ngoài quy hoạch cho đất lâm nghiệp theo Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND đề nghị đưa vào quy hoạch lâm nghiệp tăng: 36.483,09 ha.

+ Tổng diện tích đất quy hoạch cho đất lâm nghiệp đề nghị đưa ra khỏi quy hoạch lâm nghiệp giảm với tổng diện tích là: 54.871,24 ha.

2. Kết quả rà soát quỹ đất lâm nghiệp, gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh

Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp sau rà soát, điều chỉnh là: 1.147.752,81 ha. Trong đó quy hoạch:

- Rừng phòng hộ: 328.409,11 ha.
- Rừng đặc dụng: 171.029,58 ha.
- Rừng sản xuất: 648.314,12 ha.

Chi tiết cụ thể trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã như sau:

TT	Huyện	Tổng cộng (ha)	Trong đó 3 loại rừng (ha)		
			Phòng hộ	Đặc dụng	Sản xuất
	<u>Tổng cộng</u>	<u>1.147.752,81</u>	<u>328.409,11</u>	<u>171.029,58</u>	<u>648.314,12</u>
1	Quế Phong	171.414,95	52.198,02	39.124,61	80.092,32
2	Quỳ Châu	94.992,54	21.271,84	11.617,98	62.102,72
3	Quỳ Hợp	65.055,09	11.143,41	1.907,43	52.004,25
4	Nghĩa Đàn	22.245,97	4.575,65		17.670,32
5	Thị xã Thái Hòa	3.224,87	702,00		2.522,87

6	Tân Kỳ	35.734,45	6.408,47		29.325,98
7	Kỳ Sơn	165.389,61	84.185,60		81.204,01
8	Tương Dương	252.977,09	81.553,06	39.517,83	131.906,20
9	Con Cuông	159.717,03	18.062,13	74.244,04	67.410,86
10	Anh Sơn	35.752,69	8.161,64	2.231,18	25.359,87
11	Thanh Chương	65.041,93	20.204,53		44.837,40
12	T.X Hoàng Mai	6.584,34	1.759,14		4.825,20
13	Quỳnh Lưu	13.404,81	3.037,44		10.367,37
14	Yên Thành	20.265,90	4.929,79	428,05	14.908,06
15	Diễn Châu	6.831,82	1.410,42		5.421,40
16	Đô Lương	10.990,68	2.383,13		8.607,55
17	Nam Đàn	7.437,05	708,42	1.958,46	4.770,17
18	Hưng Nguyên	1.596,90	494,51		1.102,39
19	Nghi Lộc	8.881,75	5.006,57		3.875,18
20	Thị xã Cửa Lò	67,40	67,40		
21	Thành phố Vinh	145,94	145,94		

3. So sánh tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng năm 2019 với số liệu tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An

Chi tiết cụ thể trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã như sau:

ĐVT: ha

TT	Huyện	Diện tích theo QĐ số 48/2014/QĐ	Diện tích theo kết quả rà soát điều chỉnh 2019	Tăng (+) Giảm (-)
	<u>Tổng cộng</u>	<u>1.160.242,38</u>	<u>1.147.752,81</u>	<u>-12.489,57</u>
1	Quế Phong	173.209,79	171.414,95	-1.794,84
2	Quỳ Châu	94.912,70	94.992,54	79,84
3	Quỳ Hợp	63.943,00	65.055,09	1.112,09
4	Nghiêm Đàn	22.733,80	22.245,97	-487,83
5	TX. Thái Hòa	3.500,10	3.224,87	-275,23
6	Tân Kỳ	37.244,80	35.734,45	-1.510,35
7	Kỳ Sơn	180.528,90	165.389,61	-15.139,29
8	Tương Dương	249.076,90	252.977,09	3.900,19
9	Con Cuông	154.422,06	159.717,03	5.294,97
10	Anh Sơn	35.428,85	35.752,69	323,84
11	Thanh Chương	65.233,70	65.041,93	-191,77

12	T.X Hoàng Mai	6.777,70	6.584,34	-193,36
13	Quỳnh Lưu	14.246,70	13.404,81	-841,89
14	Yên Thành	21.274,90	20.265,90	-1.009,00
15	Diễn Châu	7.651,86	6.831,82	-820,04
16	Dô Luong	10.918,82	10.990,68	71,86
17	Nam Đàn	7.395,90	7.437,05	41,15
18	Hưng Nguyên	1.991,20	1.596,90	-394,30
19	Nghi Lộc	9.534,50	8.881,75	-652,75
20	Thị xã Cửa Lò	109,00	67,40	-41,60
21	Thành phố Vinh	107,20	145,94	38,74

Từ kết quả thống kê ở bảng trên cho thấy:

- Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo kết quả rà soát điều chỉnh 3 loại rừng năm 2019 với số liệu tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An, giảm với tổng diện tích là: 12.489,57 ha (18.388,15ha - 5.898,58 ha). Trong đó:

+ Tăng do phương pháp tính toán giữa số liệu theo Quyết định số: 48/2014/UBND ngày 15/8/2014 và số liệu diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo kết quả kiểm kê rừng nằm trong ranh giới quy hoạch là 5.898,58 ha (1.166.140,96 ha – 1.160.242,38 ha).

+ Chênh lệch do chuyển diện tích đất có rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp theo Quyết định số 48/2014/UBND ngày 15/8/2014 vào quy hoạch sản xuất lâm nghiệp và diện tích đất lâm nghiệp chuyển sang đất khác, giảm với tổng diện tích là 18.385,66 ha (1.147.752,81 ha - 1.166.138,47 ha).

a) Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo kết quả rà soát điều chỉnh 3 loại rừng năm 2019 so với số liệu tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An đối với đất quy hoạch rừng phòng hộ

Tổng diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ theo kết quả rà soát điều chỉnh năm 2019 so với số liệu tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An, giảm với tổng diện tích là: 37.182,50 ha (328.409,11 ha - 365.591,61 ha).

Chi tiết cụ thể trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã như sau:

B

DVT: ha

TT	Huyện	D. tích rừng PH sau rà soát quỹ đất	Diện tích tăng		Diện tích giảm		D tích rừng PH sau rà soát 3 loại rừng
			Từ rừng đặc dụng C.sang	Từ rừng sản xuất C. sang	Chuyển sang rừng đặc dụng	Chuyển sang rừng sản xuất	
	Tổng cộng	365.591,61	1.091,15	4.906,03	102,57	43.077,11	328.409,11
1	Quế Phong	52.311,69			102,57	11,10	52.198,02
2	Quỳ Châu	21.338,30		2,80		69,26	21.271,84
3	Quỳ Hợp	11.170,42				27,01	11.143,41
4	Nghĩa Đàn	4.564,06		426,95		415,36	4.575,65
5	TX. Thái Hòa	707,47		68,31		73,78	702,00
6	Tân Kỳ	6.787,08		608,51		987,12	6.408,47
7	Kỳ Sơn	109.499,22		809,29		26.122,91	84.185,60
8	Tương Dương	93.655,37		700,09		12.802,40	81.553,06
9	Con Cuông	18.518,94	0,94	207,19		664,94	18.062,13
10	Anh Sơn	8.264,75		93,96		197,07	8.161,64
11	Thanh Chương	20.113,56		546,23		455,26	20.204,53
12	T.X Hoàng Mai	1.955,25				196,11	1.759,14
13	Quỳnh Lưu	3.071,89				34,45	3.037,44
14	Yên Thành	4.908,09	381,79	1,84		361,93	4.929,79
15	Điễn Châu	1.539,38		32,48		161,44	1.410,42
16	Đô Lương	1.349,62		1.033,51			2.383,13
17	Nam Đàn	0,00	708,42				708,42
18	Hưng Nguyên	494,51					494,51
19	Nghi Lộc	5.131,07		372,47		496,97	5.006,57
20	Thị xã Cửa Lò	67,40					67,40
21	Thành phố Vinh	143,54		2,40			145,94

b) So sánh tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo quả rà soát điều chỉnh 3 loại rừng với số liệu tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An đối với đất quy hoạch rừng đặc dụng

Diện tích rừng đặc dụng theo kết quả rà soát điều chỉnh năm 2019 so với diện tích theo Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An, giảm với tổng diện tích là 1.450,98 ha (171.029,58 ha - 172.480,56 ha).

Chi tiết cụ thể trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã như sau:

ĐVT: ha

TT	Huyện	D. tích RĐĐ sau RS quỹ đất	Diện tích tăng		Diện tích giảm		Diện tích RĐĐ sau RS 3 loại rừng
			Từ rừng phòng hộ C.sang	Từ rừng sản xuất C.sang	Chuyển sang RSX	Chuyển sang RPH	
	<u>Tổng cộng</u>	<u>172.480,56</u>	<u>102,57</u>	<u>1,46</u>	<u>463,86</u>	<u>1.091,15</u>	<u>171.029,58</u>
1	Quế Phong	39.022,04	102,57				39.124,61
2	Quỳ Châu	11.617,98					11.617,98
3	Quỳ Hợp	1.907,43					1.907,43
4	T. Dương	39.517,83					39.517,83
5	Con Cuông	74.244,93		1,46	1,41	0,94	74.244,04
6	Anh Sơn	2.231,18					2.231,18
7	Yên Thành	979,98			170,14	381,79	428,05
8	Nam Đàn	2.959,19			292,31	708,42	1.958,46

c) So sánh diện tích đất lâm nghiệp theo kết quả rà soát điều chỉnh 3 loại rừng với số liệu tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An đối với đất quy hoạch rừng sản xuất:

Diện tích rừng sản xuất theo kết quả rà soát điều chỉnh năm 2019 so với số liệu tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An, tăng với tổng diện tích là 38.633,48ha (648.314,12 ha - 609.680,64 ha).

Chi tiết cụ thể trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã như sau:

ĐVT: ha

TT	Huyện	D. tích RSX sau RS quỹ đất	Diện tích tăng		Diện tích giảm		D tích RSX sau RS 3 loại rừng
			Từ RĐĐ C.sang	Từ RPH C.sang	Chuyển sang RĐĐ	Chuyển sang RPH	
	<u>Tổng cộng</u>	<u>609.680,64</u>	<u>463,86</u>	<u>43.077,11</u>	<u>1,46</u>	<u>4.906,03</u>	<u>648.314,12</u>
1	Quế Phong	80.081,22		11,10			80.092,32
2	Quỳ Châu	62.036,26		69,26		2,80	62.102,72
3	Quỳ Hợp	51.977,24		27,01			52.004,25
4	Nghĩa Đàn	17.681,91		415,36		426,95	17.670,32
5	TX Thái Hòa	2.517,40		73,78		68,31	2.522,87
6	Tân Kỳ	28.947,37		987,12		608,51	29.325,98
7	Kỳ Sơn	55.890,39		26.122,91		809,29	81.204,01

8	Tuong Duong	119.803,89		12.802,40		700,09	131.906,20
9	Con Cuông	66.953,16	1,41	664,94	1,46	207,19	67.410,86
10	Anh Sơn	25.256,76		197,07		93,96	25.359,87
11	Thanh Chương	44.928,37		455,26		546,23	44.837,40
12	TX Hoàng Mai	4.629,09		196,11			4.825,20
13	Quỳnh Lưu	10.332,92		34,45			10.367,37
14	Yên Thành	14.377,83	170,14	361,93		1,84	14.908,06
15	Diễn Châu	5.292,44		161,44		32,48	5.421,40
16	Đô Lương	9.641,06				1033,51	8.607,55
17	Nam Đàn	4.477,86	292,31				4.770,17
18	Hưng Nguyên	1.102,39					1.102,39
19	Nghi Lộc	3.750,68		496,97		372,47	3.875,18
20	TX Cửa Lò	0,00					0,00
21	TP Vinh		2,40			2,4	0,00

4. Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo kết quả rà soát điều chỉnh 3 loại rừng năm 2019 so với số liệu tại Nghị Quyết số 46/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Nghệ An

Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo kết quả rà soát quy hoạch lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng năm 2019 so với diện tích đất lâm nghiệp tại Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ, giảm với tổng diện tích là 4.708,19 ha (1.147.752,81 ha – 1.152.461,0 ha).

Cụ thể diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp cho các loại rừng như sau:

ĐVT: ha

TT	Loại rừng	Theo Nghị quyết 46/NQ-CP của Chính phủ	Theo kết quả rà soát điều chỉnh 2019	Tăng (+) Giảm (-)
	Tổng cộng	1.152.461,00	1.147.752,81	- 4.708,19
1	Phòng hộ	365.000,00	328.409,11	- 36.590,89
2	Đặc dụng	172.461,00	171.029,58	- 1.431,42
3	Sản xuất	615.000,00	648.314,12	+ 33.314,12

Kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp năm 2019 so với Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính Phủ về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016- 2020) tỉnh Nghệ An giảm 4.708,19 ha là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thực tế được tổng hợp tại các huyện, thành phố, thị xã.

Phần thứ tư
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Kết quả rà soát quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2019 là: 1.147.752,81 ha (Trong đó: rừng phòng hộ: 328.409,11 ha; rừng đặc dụng: 171.029,58 ha; rừng sản xuất: 648.314,12 ha).

II. Kiến nghị

Kết quả trên đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến tại Công văn số 3437/BNN-TCLN ngày 17/5/2019 và tại phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 5 năm 2019 đã thống nhất, thông qua trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 9 Khóa XVII. Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An cho ý kiến đối với Kết quả rà soát quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng tỉnh Nghệ An, để UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng hoàn thiện, tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh uỷ (để b/c);
- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TN và MT;
- CVP, PVPKT VP UBND tỉnh;
- Lưu VT. CVNNUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Viết Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 167/TTL-SNN.ĐTQHLN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 17 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kết quả rà soát quy đât lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng tỉnh Nghệ An

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Căn cứ luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-BNN-TCLN ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc "Ban hành Bộ tiêu chí rà soát diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu chuyển sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất".

Căn cứ hướng dẫn số 10121/BNN-TCLN ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc "Hướng dẫn kỹ thuật rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng".

Căn cứ Thông tư 34/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng.

Căn cứ Quyết định số 48/2014/Đ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị Quyết số 46/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Nghệ An.

Căn cứ văn bản số 5554/UBND-NN ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc "Trình tự, nguyên tắc, tiêu chí rà soát quy đât lâm nghiệp gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng".

Căn cứ Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Nghệ An và các văn bản hiện hành có liên quan của Trung ương và tỉnh Nghệ An.

Căn cứ công văn số 1450/SNN-KHTC ngày 19/6/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thực hiện nhiệm vụ rà soát rừng phòng hộ ít xung yếu gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, điều chỉnh quy đât lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào các Quyết định chuyển đổi và các dự án đã được phê duyệt; thực trạng các công trình đã sử dụng đất lâm nghiệp để xây dựng nhằm mục đích thực hiện chiến lược phát

1

trên kinh tế xã hội trên địa bàn các huyện...

Căn cứ kết luận của đồng chí Thái Thanh Quý - Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 20/5/2019 về kết quả rà soát quy đât lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng tỉnh Nghệ An.

Căn cứ ý kiến kết luận của đồng chí Thái Thanh Quý - Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 20/5/2019 về kết quả rà soát quy đât lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng tỉnh Nghệ An.

Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An kính trình UBND tỉnh xem xét, trình xin ý kiến của HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 6/2019 và phê duyệt.

(Chi tiết có báo cáo thuyết minh kèm theo) ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGD Sở phụ trách LN (d/b);
- Chi cục Kiểm Lâm (d/b);
- Đoàn Điều tra QHLN (t/h)
- Lưu VT, KHTC;

✓



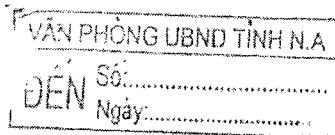
Hoàng Nghĩa Hiếu

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3437/BNN-TCLN
V/v điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại
rừng tỉnh Nghệ An

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2019



Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

Phúc đáp Văn bản số 3130/TTr-UBND ngày 10/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thẩm định kết quả rà soát quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng tỉnh Nghệ An, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng của tỉnh rà soát những nội dung quy hoạch 3 loại rừng để tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định.
- Trong quá trình tổ chức lập quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Luật Quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc lập quy hoạch theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đề nghị UBND tỉnh Nghệ An nghiên cứu, triển khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCLN. (6)



UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ TƯ PHÁP

Số: 07/STP-XDVB

Về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy hoạch điều chỉnh quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.

Phúc đáp Công văn số 1313/SNN-ĐTQHLN ngày 14/5/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy hoạch điều chỉnh quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng. Sau khi nghiên cứu dự thảo và đối chiếu các quy định của pháp luật hiện hành, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 24/11/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019, trong đó quy định các nội dung sau:

- Theo quy định tại Điều 5 thì hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm: Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt và quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn. Quy hoạch cấp quốc gia bao gồm: quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; Quy hoạch ngành quốc gia.

- Tại Khoản 5 Điều 3 giải thích từ ngữ về Quy hoạch ngành quốc gia như sau: “*Quy hoạch ngành quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học*”.

Mặt khác, Luật Lâm nghiệp năm 2017 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019) quy định quy hoạch lâm nghiệp chỉ có ở cấp quốc gia và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (được quy định tại Khoản 4 Điều 12: “*Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình*”).

Theo đó, quy hoạch ngành chỉ có ở cấp quốc gia (theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Luật Quy hoạch trong đó bao gồm quy hoạch lâm nghiệp), cấp tỉnh không có thẩm quyền ban hành quy hoạch ngành nói chung và quy hoạch 3 loại rừng nói riêng.

- Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch năm 2017: “*Các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành quy định tại Phụ lục 2 của Luật này*

nội dung của quy hoạch đó không phù hợp với quy hoạch cao hơn đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này thì phải điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch cao hơn". Theo đó, tại Phụ lục 2 không có quy hoạch 03 loại rừng nên không áp dụng pháp luật chuyên ngành đối với nội dung này;

Trên cơ sở phân tích các nội dung trên, việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch điều chỉnh quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng là **không phù hợp về thẩm quyền**.

Đối với nội dung kết quả rà soát điều chỉnh quỹ đất lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng báo cáo gửi UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo HĐND tỉnh và dự kiến diện tích, ranh giới 3 loại rừng để đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp vào quy hoạch ngành cấp quốc gia.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy hoạch điều chỉnh quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, VB.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Hào



Ký bởi: Văn phòng
Ủy ban Nhân dân
Email:
ubnd@nghean.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Nghệ
An
Ngày ký: 03.06.2019
16:13:28 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN
Số: 32/TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 13 tháng 6 năm 2019

THÔNG BÁO

Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Thanh Quý tại phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 5 năm 2019

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, UBND tỉnh họp phiên thường kỳ tháng 5 dưới sự chủ trì của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Thanh Quý. Tham dự phiên họp có đại diện Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh; Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ tỉnh; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh; Đảng ủy Khối các doanh nghiệp; Liên đoàn Lao động tỉnh; lãnh đạo các Sở, ban, ngành đơn vị liên quan.

Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh đối với các báo cáo, dự thảo đề án, quyết định, nghị quyết và kiến nghị tại phiên họp như sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện Thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 4 năm 2019 và các buổi làm việc chuyên đề trong tháng 4 và tháng 5 năm 2019; Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 5, nhiệm vụ và giải pháp tháng 6/2019.

UBND tỉnh thống nhất đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 5 với các nội dung cụ thể:

1.1. Kết quả đạt được

- *Về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp*: Tập trung chăm sóc các loại cây trồng vụ Xuân, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi, nhất là dịch tả lợn châu Phi. Tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng vụ Đông Xuân năm 2019 ước đạt 224.941 ha, tăng 0,83% so với cùng kỳ. Tổng diện tích rừng trồng tập trung 5 tháng đầu năm ước đạt 7.012 ha, tăng 0,39% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thuỷ sản 5 tháng ước đạt 85.351 tấn, tăng 9,43% so với cùng kỳ. Tập trung chỉ đạo triển khai kế hoạch nông thôn mới 2019, trong đó tập trung chỉ đạo 39 xã đăng ký đạt chuẩn Nông thôn mới 2019.

- *Sản xuất công nghiệp*: Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,25% so với cùng kỳ; lũy kế 5 tháng đầu năm, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng 8,64% so với cùng kỳ năm 2018, một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng so với cùng kỳ năm 2018 như: sữa tươi (tăng 17,7%), sữa chua (tăng 15,3%), thức ăn gia súc (tăng 33,6%), đường (tăng 37,44%)...

- *Lĩnh vực dịch vụ*: Tổng mức bán lẻ tháng 5 tăng 15,31%, lũy kế 5 tháng tăng 13,76% so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ (trừ dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch) tháng 5 tăng 10,59%, lũy kế 5 tháng tăng 10,32%; Doanh thu hoạt động dịch

vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tháng 5 tăng 14,42%, lũy kế 5 tháng tăng 14,42%. Khách du lịch 5 tháng ước đạt 3.007 ngàn lượt, tăng 7% cùng kỳ, trong đó khách lưu trú đạt 1.810 ngàn lượt, tăng 9%. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 3.343 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt khoảng 127.398 tỷ đồng, tăng 5,6% so với đầu năm; tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đạt 200.610 tỷ đồng, tăng 4,2% so với đầu năm.

- *Về đầu tư và xây dựng, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp:* Tính đến 15/5/2019, trên địa bàn tỉnh đã cấp mới cho 39 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký 5.523,94 tỷ đồng; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 671 doanh nghiệp, bằng 92,8% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký 5.875,69 tỷ đồng, tăng 39,65% so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký qua mạng đạt 100%.

Tỷ lệ giải ngân 4 tháng đầu năm đạt 29,25% kế hoạch (bình quân tỷ lệ giải ngân 4 tháng năm 2019 cả nước đạt 18,67% kế hoạch Chính phủ giao).

- *Thu ngân sách:* 5 tháng đầu năm thực hiện 5.950 tỷ đồng, đạt 44,1% dự toán, tăng 18,3% cùng kỳ năm 2018. Chi ngân sách 5 tháng năm ước thực hiện 10.121 tỷ đồng, đạt 41,6% dự toán.

- *Các lĩnh vực văn hóa - xã hội:* tiếp tục đạt nhiều kết quả tốt, đã chủ trì tổ chức thành công nhiều sự kiện kinh tế - chính trị - văn hóa quan trọng: Lễ đón và an táng hài cốt liệt sỹ hy sinh tại nước bạn Lào; tổ chức Ngày hội du học, xuất khẩu lao động và gặp mặt người lao động năm 2019; chương trình nghệ thuật kỷ niệm 60 năm mở đường Trường Sơn, 50 năm thực hiện di chúc Bác Hồ; tổ chức Lễ hội làng Sen năm 2019, kỷ niệm 129 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; Lễ khai trương du lịch biển Cửa Lò năm 2019...

- *Quốc phòng - an ninh, trật tự, an toàn xã hội* được bảo đảm; Đầu tranh phá thành công nhiều vụ án, chuyên án lớn về hình sự, kinh tế, ma tuý. Thực hiện tốt công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu kiện của nhân dân, đã giải quyết được 42/53 vụ việc, đạt tỷ lệ 79,2% số vụ việc phát sinh.

1.2. Hạn chế, tồn tại:

- Toàn tỉnh có 20 ổ dịch xảy ra tại 39 hộ gia đình, thuộc 27 xóm tại 20 xã của 06 huyện đang có dịch tả lợn Châu Phi chưa qua 30 ngày và đang có diễn biến phức tạp.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 năm 2019 giảm 0,65% so với tháng 4 năm 2019; một số sản phẩm có mức tăng trưởng thấp và giảm như: Phân NPK, Ông thép Hoa Sen, Tôn lợp, Sợi, Thép cán nóng...

- Có 9 địa phương bị tạm dừng đưa lao động sang Hàn Quốc: Nghi Lộc, TX Cửa Lò, Nam Đàn, TP Vinh, Hưng Nguyên, Thanh Chương, Yên Thành, Diễn Châu, Đô Lương do có tỷ lệ lao động, du học sinh bỏ trốn, cư trú bất hợp pháp cao.

- Nguy cơ cháy nổ còn tiềm ẩn phức tạp, đã xảy ra một số vụ cháy như: Cháy chợ Hiếu, trường mầm non Lê Mao, cháy xe ô tô tại Thanh Chương,...

- Tình trạng trẻ em bị đuối nước vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

1.3. Nhiệm vụ trong tháng 5/2019

- Các Sở, ngành chuẩn bị kỹ nội dung trình tại phiên họp UBND tỉnh, đảm bảo quy trình, chất lượng, đúng thời gian quy định, trong đó lưu ý khẩn trương hoàn thiện các dự thảo báo cáo, Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2019 để thông qua phiên họp chuyên đề UBND tỉnh đầu tháng 6/2019.

- Các Tổ công tác (theo Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh) thường xuyên bám, đôn đốc thực hiện theo chỉ tiêu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

- Các Sở, ngành đôn đốc chỉ đạo, tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm đang triển khai trên địa bàn theo kế hoạch.

- Giao Sở Nông nghiệp và PTNT:

+ Tiếp tục chỉ đạo sản xuất vụ Xuân 2019, chuẩn bị tốt vụ Hè - Thu.

+ Tập trung triển khai tốt các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trong tháng cao điểm; triển khai phương án chống hạn.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ diễn biến dịch bệnh, tránh tư tưởng lơ là, chủ quan trong phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, trong đó tập trung triển khai các giải pháp mạnh để kiểm soát và xử lý dứt điểm các ổ dịch tả lợn Châu Phi.

+ Tăng cường đôn đốc kiểm tra, chỉ đạo triển khai kế hoạch nông thôn mới 2019, trong đó tập trung 39 xã đăng ký đạt chuẩn Nông thôn mới 2019.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Đôn đốc, chỉ đạo thực hiện giải ngân đầu tư công năm 2019 đảm bảo tiến độ, kế hoạch.

+ Tiến hành rà soát, tham mưu UBND tỉnh giải pháp xử lý đối với một số dự án chậm tiến độ.

- Giao Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát hoàn công quy hoạch xây dựng các dự án dọc tuyến đường lớn trên địa bàn thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và các đô thị khác.

- Giao Sở Công thương: Rà soát, làm việc với chủ đầu tư các dự án có sản phẩm chủ lực đã được đưa vào chỉ tiêu Nghị quyết nhiệm kỳ nhưng chưa triển khai thực hiện để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam: Nghiên cứu, điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam cần đảm bảo tổng thể, lâu dài.

- Giao Sở Du lịch: Triển khai tốt các nội dung đã ký kết với công ty lữ hành Saigontourist và Vietravel.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo:
 - + Tập trung chỉ đạo tốt kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2019 -2020.
 - + Triển khai các giải pháp phòng, chống đuối nước cho học sinh trước khi về nghỉ hè.
- Giao Sở Văn hóa và Thể thao: Tham mưu tổ chức tốt chuỗi các hoạt động kỷ niệm 50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; 50 năm thực hiện bức thư cuối cùng của Bác Hồ gửi Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An.
- Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tập trung nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền chấp hành luật pháp, quản lý lao động ở nước ngoài.
- Giao Sở Tài chính: Rà soát các trụ sở cơ quan Nhà nước được trả lại, tham mưu tiến hành đấu giá theo quy định để tạo nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình thiết yếu của tỉnh; tích cực tham mưu cơ chế nguồn vốn cho các dự án trọng điểm của tỉnh.

2. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

UBND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết. Giao Sở Tài chính tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định.

3. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

UBND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết. Giao Sở Tài chính tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định.

4. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định một số nội dung chính sách phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

UBND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định.

5. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Nghệ An.

UBND tỉnh thống nhất kết quả rà soát quỹ đất lâm nghiệp gắn với điều chỉnh diện tích, ranh giới 3 loại rừng. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh báo cáo, tham mưu UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định.

6. Dự thảo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

UBND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết. Giao Sở Xây dựng tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định, trong đó yêu cầu: Quan tâm công tác xây dựng, quản lý, bảo vệ quy hoạch, kiến trúc nhà ở; Phát triển thị trường nhà ở phải đồng bộ với phát triển cơ sở hạ tầng; phải gán trách nhiệm của nhà đầu tư trong xây dựng, quản lý thị trường nhà ở.

7. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

UBND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định.

8. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 điều 62 Luật đất đai.

UBND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định.

9. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ và trách nhiệm đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

UBND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết. Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định.

10. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 15/5/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng chống chuyển hóa từ đình công, lấn công thành biểu tình gây rối an ninh, trật tự ở Nghệ An.

UBND tỉnh thống nhất thông qua Báo cáo. Giao Công an tỉnh tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo đúng quy định. Trong đó yêu cầu: Phân đánh giá thực trạng trong báo cần ngắn gọn, súc tích, chặt chẽ; Báo cáo cần đưa ra được các cảnh báo, kinh nghiệm sâu sắc cho các doanh nghiệp có nguy cơ cao và cho tỉnh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo; tham mưu tốt công tác thi đua, khen thưởng.

11. Dự thảo Đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tha tù có điều kiện”.

UBND tỉnh thống nhất thông qua Đề án. Giao Công an tỉnh tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt triển khai theo đúng quy định. Trong đó yêu cầu về kinh phí thực hiện đề án, căn

cứ vào lộ trình, tiến độ thực hiện đề án hàng năm, giao Công an tỉnh chủ trì lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND xem xét, quyết định.

12. Dự thảo Đề án về bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

UBND tỉnh thống nhất thông qua Đề án. Giao Công an tỉnh tiếp thu ý kiến của các thành viên dự họp, hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết theo đúng quy định.

15. Dự thảo Phương án tổng thể về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2019 – 2021

Giao Sở Nội vụ rà soát và hoàn chỉnh văn bản, trình Chủ tịch UBND tỉnh nghe lại trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời đăng ký làm việc với Bộ Nội vụ để trình bày phương án đảm bảo chi tiết, khả thi, hiệu quả.

Trên đây là kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Thanh Quý tại phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2019, UBND tỉnh thông báo để các sở, ban, ngành, các huyện, thành, thị biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP và các Ban của Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh, VP HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các đơn vị có nội dung trình tại phiên họp;
- Các sở, ngành liên quan;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VP UBND tỉnh: NN, CN, KT, NC, KG –VX; TTCB.
- Lưu: VT, TH (Quang).

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Duy Cường